TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **305**/2024/HC-PT
Ngày 24 tháng 5 năm 2024
V/v: Khiếu kiện yêu cầu bồi thường chi phí đầu tư và đất còn lại vào tài sản trên đất.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Ông Nguyễn Nam Thành.

- Thư ký Toà án: Bà Phạm Thị Nhạn, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đức Minh, Kiểm sát viên.

- Công chức Tòa án tại điểm cầu thành phần: Ông Nguyễn Thanh S - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm: Trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần tại: Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hành chính thụ lý số 924/2023/TLPT-HC ngày 26 tháng 12 năm 2023 về việc: *"Khiếu kiện yêu cầu bồi thường chi phí đầu tư và đất còn lại và tài sản trên đất"*.

Do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 86/2023/HC-ST ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5263/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Chu Thị Kim Y, sinh năm 1959; nơi cư trú: Nhà số H, phường T, Quận G, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Hà Bình T; địa chỉ: Số A phố L, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Trần Hồng L - Luật sư văn phòng L1, đoàn luật sư thành phố H; có mặt.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Xuân Đ - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng (văn bản ủy quyền số 1701/QĐ-TNMT ngày 14/7/2023); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1. Ông Nguyễn Đức A - Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận D, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Bà Vũ Thị Hồng G - Cán bộ Trung tâm Phát triển quỹ đất quận D, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn X; địa chỉ: Số A N, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Chu Văn B - Giám đốc; địa chỉ: Số I -A đường T, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Ủy ban nhân dân phường A, quận D, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Quốc B1 - Chủ tịch UBND phường A, quận D, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Bà Chu Thị Kim Y là người sử dụng diện tích gần 4.000 m^2 đất hoang hoá bãi bồi ven sông L thuộc phường A, quận D, thành phố Hải Phòng. Trong đó có 2.700 m^2 do bà tự san lấp đầm, hồ, ao để mở rộng mặt bằng, xây dựng cầu cảng, bến bãi, nhà ở, nhà làm việc để phục vụ sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng và 1.257 m^2 do bà Y thuê của nhà nước. Quá trình thuê, sử dụng đất như sau:

Ngày 27/4/1992 UBND xã A (nay là UBND phường A) (bên A) ký hợp đồng kinh tế số 03/HĐKT/92 với Hợp tác xã (viết tắt: HTX) do ông Trần Huy T1 chủ nhiệm HTX (bên B), với nội dung: "Bên B được sử dụng 07 sào Bắc Bộ đầm ao bãi bồi ven sông L vào mục đích đắp đầm nuôi trồng thuỷ sản. Thời hạn 05 năm, từ ngày 01/01/1992 đến 31/12/1996 và có trách nhiệm nộp vào ngân sách xã 20kg thóc/sào/năm; nếu bên A có nhu cầu sử dụng vào mục đích khác sẽ thoả thuận bồi thường công sức đầu tư".

Ngày 19/12/1994 HTX ký Hợp đồng kinh tế số 46/HĐKT với UBND xã A, thời hạn 05 năm, từ ngày 19/12/1994 đến ngày 19/12/2009, nội dung: "Giao cho ông Trần Duy A1 sử dụng mặt bằng diện tích 1.214m^2 vào mục đích sản xuất kinh doanh. Bên B tự lo 100% vốn đầu tư để cải tạo thùng đấu, ao hồ để sản xuất và nộp ngân sách địa phương 1000đ/m^2/năm, bên B đã trả tiền 01 lần cho cả thời hạn thuê mặt bằng 15 năm. Hai bên thoả thuận "Khi đang thực hiện hợp đồng nếu nhà nước có nhu cầu sử dụng diện tích trên vào mục đích khác (có dự án thành phố phê duyệt) thì bên A báo trước cho bên B thời gian 06 tháng, bên A sẽ can thiệp và yêu cầu nhà nước (chủ mới) bồi hoàn thành quả lao động mà bên B đã đầu tư theo pháp luật".

Ngày 10/8/2000 HTX chuyển nhượng lại cho bà Y quyền thuê mặt bằng diện tích 1.214 m^2 mà HTX đã thuê của UBND phường A theo Hợp đồng đã ký số 46/HĐKT ngày 19/12/1994 để sử dụng vào việc kinh doanh vật liệu xây dựng. Bà Y phải thanh toán cho HTX tiền thuê mặt bằng mà HTX đã trả cho UBND xã A và tiền san lấp mặt bằng trên diện tích 1.214 m^2 tại thời điểm ký Hợp đồng, trả một lần trong tháng 8/2000.

Khi hết hạn hợp đồng với HTX, ngày 25/12/2009 bà Y đã ký Hợp đồng kinh tế số 07/2009 với UBND phường A với nội dung: "UBND phường A (bên A) giao cho bà Chu Thị Kim Y (bên B) thuê 1.257 m^2 đất bãi ven sông L để làm kinh tế; thời hạn sử dụng 05 năm từ 25/12/2009 đến 25/12/2014. Bên B phải nộp tiền vào ngân sách hàng năm là 1.257 m^2 x 3.000 đ/m^2 = 3.771.000 đồng/năm". Bà Y đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đến hết năm 2014.

Ngày 27/01/2015 bà Y và UBND phường A ký Biên bản thanh lý Hợp đồng số 07/2009 với một nội dung duy nhất là chốt lại số tiền thuê đất, không có nội dung chấm dứt hợp đồng, thu hồi mặt bằng cho thuê và giải quyết đền bù chi phí san lấp mặt bằng của bà Y. Do đó, bà Y tiếp tục sử dụng mặt bằng.

Ngày 08/5/2017 Chi cục thuế quận D căn cứ vào Công văn số 1753/UBND -VP ngày 23/9/2014 của UBND quận D về việc: "Yêu cầu các tổ chức, cá nhân sử dụng đất bãi bồi ven sông, ven biển nghiêm chỉnh chấp hành nghĩa vụ tài chính theo thông báo của Cơ quan thuế; căn cứ việc chấp hành nghĩa vụ tài chính của các tổ chức, UBND quận sẽ tổng hợp báo cáo Thành phố thực hiện cho thuê đất theo quy định, đồng thời UBND quận giao cho các ngành xem xét, đề xuất UBND quận về thủ tục cho thuê đất đối với các cá nhân, hộ gia đình phục vụ sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thuỷ sản phát triển kinh tế" ra thông báo số 04/TB- CCT yêu cầu bà Y nộp thuế từ năm 2014 đến hết năm 2017. Bà Y chấp hành nộp tiền thuê mặt bằng và tiền thuế sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp đến hết năm 2019, bà Y là người đứng tên nộp, còn em trai bà là ông Chu Văn B là người nộp thay.

Năm 2019 nhà nước có chủ trương đầu tư Dự án xây dựng cầu R, đến năm 2020 chính thức có văn bản thu hồi đất để xây dựng cầu R nên từ năm 2020 Chi cục Thuế mới không thu tiền thuê đất và tiền thuế đất của bà Y nữa.

Ngày 21/9/2021 UBND quận D và phường A cưỡng chế thu hồi đất của bà và lấy đi toàn bộ cát, đá, phá dỡ toàn bộ nhà làm việc, nhà ở của ông Chu Văn B trên bãi nhưng không có quyết định thu hồi đất và quyết định cưỡng chế, không bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại.

Theo Điều 69 Luật Đất đai quy định: "UBND các cấp có thẩm quyền thu hồi đất ban hành thông báo thu hồi đất gửi đến từng người có đất thu hồi...người sử dụng đất; tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất để lập phương án bồi thường...và lấy ý kiến trực tiếp của người dân có đất thu hồi, việc lấy ý kiến phải được lập thành biên bản...", Nhưng UBND quận D và UBND phường A không giao các trình tự, thủ tục thu hồi đất

và bồi thường cho bà Y là người sử dụng đất bị thu hồi, cũng không giao cho Công ty X là người đang sử dụng đất, có tài sản trên đất.

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 76 và khoản 2 Điều 80 Luật Đất đai thì trường hợp sử dụng đất của bà Y là đất cho thuê trả tiền hàng năm không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất. Theo Điều 89 Luật Đất đai năm 2013 quy định bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng trên đất khi Nhà nước thu hồi đất thì được bồi thường bằng giá trị xây dựng mới của nhà ở, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương.

Do UBND quận D không bồi thường chi phí đầu tư vào đất và tài sản trên đất khi thu hồi đất nên bà Y đã làm đơn kiến nghị. Tại văn bản số 218/UBND-TNMT ngày 26/01/2022, UBND quận D trả lời bà Y về việc đề nghị được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại và tài sản gắn liền với đất là không có có sở nên bà Y đã khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc UBND quận D bồi thường các chi phí đầu tư vào đất còn lại, bao gồm toàn bộ khối lượng san lấp đầm hồ ao tạo nên mặt bằng như hiện nay và các công trình kiến trúc, nhà ở, nhà làm việc, vật liệu xây dựng (cát, đá) trên diện tích đất 4.000 m^2 mặt bằng, cụ thể:

- Khối lượng cát san lấp mặt bằng: Dài 85m x rộng 47m = 4000m^2 x sâu 3m = 12.000m^3 x hệ số đầm lèn là 1,4 = 16.8000m^3 x giá cát san lấp tại thời điểm thu hồi đất là 150.000 đ/m^3 = 2.520.000.000 đồng.

- Vôi thầu gạch vỡ: 500 xe x 450.000 đồng/xe = 225.000.000 đồng

- Thuê máy lu san gạt: 30 ca x 3.000.000 đồng/ca = 90.000.000 đồng

- Xây bờ kè, cống thoát nước:

- Cọc tre, cát, xi măng = 100.000.000 đồng

- Gạch chỉ xây tường: cao 3m x dài 70m x dày 0,3m = 675 m^3 x 798 viên x 1000 đ = 54.000.000 đồng

- C xây dựng: 60.000.000 đồng

- Cát xây 150 m3 x 200.000 đồng/m^3 = 30.000.000 đồng

- Xây cầu cảng:

- Cọc cừ: 20 cây x 9m/cây = 180 m x 1.820.000 đồng = 327.600.000 đồng

- Sắt chữ I 300 = 10 cây x 9m/cây = 90m x 1.500.000 đồng/m = 135.000.000 đồng;

- Tôn 0,10 = 5 tấm x 12.000.000 đồng/tấn = 60.000.000 đồng

- Cáp 20 = 5 sợi x 2.000.000 đồng/ sợi = 10.000.000 đồng

- Bê tông mác 300 độ dày 0,4 m = 50 m^2 x 1.000.000 đồng = 50.000.000 đồng.

- Tiền nhân công = 20.000.000 đồng

- Nhà ở văn phòng+bếp: Diện tích 70m^2 x 45.000đ/m^2 = 315.000.000 đồng.

- Nhà kho làm bằng tôn: Diện tích 60m^2 x 3.000.000 đồng/m^2 = 180.000.000 đồng

- Vật liệu xây dựng còn trên bãi:

+ Đá 2 x 4: 150m^3 x 250.000 đ/m^3= 37.500.000 đồng

+ Cát xây: 150m^3 x 200.000 đồng/m$_3$= 30.000.000 đồng

+ Cây cối hoa màu: 7.000.000 đồng.

Tổng cộng là 4.558.600.000 đồng *(Bốn tỷ năm trăm năm mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng)*. Các tài liệu về chi phí đầu tư vào đất và các tài liệu về xây dựng công trình trên đất đến nay bà Y không còn lưu giữ nên không cung cấp được cho Toà án, nhưng tại biên bản kiểm kê chi tiết vật kiến trúc, hoa màu, vật nuôi đã chứng minh việc bà Y đã đầu tư vào đất và xây dựng một số công trình trên đất. Do vậy bà yêu cầu Toà án: Buộc UBND quận D, thành phố Hải Phòng phải bồi thường chi phí đầu tư vào đất và tài sản trên đất cho bà với tổng số tiền nêu trên.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân quận D trình bày: Thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 27/3/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố H về việc quyết định chủ trương đầu tư Dự án xây dựng cầu R, Quyết định số 2659/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND thành phố về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng Cầu R. Uỷ ban nhân dân quận đã ban hành các Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền với đất thu hồi thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Cầu R, đoạn qua phường A, quận D. UBND quận D đã thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền với đất thu hồi cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi và đã hoàn thành việc giải phóng mặt bằng, bàn giao đất cho chủ đầu tư thực hiện dự án.

Về nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng thửa đất: Ngày 19/12/1994 UBND phường A ký hợp đồng với Hợp tác xã theo Hợp đồng kinh tế số 46/HĐKT với diện tích 1.214 m^2 đất tại khu vực bãi bồi sông L sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh, thời hạn 15 năm (từ ngày 10/8/2000 đến ngày 19/12/2009). Ngày 10/8/2000 Hợp tác xã) ký hợp đồng cho bà Chu Thị Kim Y thuê lại phần diện tích trên với thời gian thuê là thời gian còn lại của hợp đồng (từ ngày 10/8/2000 đến 19/12/2009). Sau khi hết thời hạn theo hợp đồng trên, bà Chu Thị Kim Y tiếp tục ký hợp đồng sử dụng đất với UBND phường A theo Hợp đồng kinh tế số 07/2009, thời hạn sử dụng từ ngày 25/12/2009 đến 25/12/2014 (05 năm). Ngày 27/01/2015, UBND phường A và bà Chu Thị Kim Y cùng nhau thống nhất ký biên bản thanh lý hợp đồng kinh tế số 07/2009. Từ ngày 27/01/2015 đến nay, UBND phường A không ký hợp đồng sử dụng đất với tổ chức, cá nhân.

Căn cứ trích lục Địa chính TĐ 14/2021 tỷ lệ 1/500 lập ngày 20/01/2021 và Bảng trích lục nguồn gốc sử dụng đất do UBND phường A, phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND quận D xác lập ngày 17/02/2021 thì diện tích theo kiến nghị thuộc thửa số 3, tờ bản đồ số 1, có diện tích 2.963,0 m^2 là đất bãi bồi ven sông do UBND phường quản lý. UBND quận D đã ban hành quyết định

số 331/QĐ-UBND ngày 12/3/2021 về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng cầu R, đoạn qua phường A, quận D đối với diện tích đất trên.

Căn cứ Điều 82, Luật Đất đai năm 2013 quy định "*trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất đối với đất được Nhà nước giao, cho thuê có thời hạn nhưng không được gia hạn"* thì diện tích đất do UBND phường A ký hợp đồng với bà Chu Thị Kim Y đã hết thời hạn từ ngày 25/12/2014, bà Y thống nhất ký biên bản thanh lý và không được UBND phường A gia hạn hợp đồng nên bà Y không được bồi thường về đất.

Theo hợp đồng giữa HTX với bà Y thì hai bên thoả thuận trong đó bà Y phải thanh toán cho HTX số tiền thuê mặt bằng mà HTX đã trả cùng với số tiền san lấp mặt bằng trên 1.214 m^2. Đây là việc thoả thuận dân sự giữa hai bên. Hợp đồng này chấm dứt năm 2009. Năm 2009 UBND phường A có ký hợp đồng 05 năm với bà Y đến năm 2014, trong hợp đồng không nêu tiền đầu tư, san lấp. Kiểm kê của Trung tâm phát triển quỹ đất chỉ ghi nhận hiện trạng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 92 Luật Đất đai thì trường hợp của bà Y không được bồi thường về tài sản. Bà Y không chứng minh được từ năm 2009 - 2014 trong thời gian được thuê đất bà Y đầu tư, cải tạo là bao nhiêu. Năm 2014 phường A thanh lý hợp đồng và không tiếp tục cho thuê đối với diện tích đất trên. Về việc thu thuế với diện tích đất trên được căn cứ vào khoản 2 Điều 8 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định*: "Đối với trường hợp chưa có quyết định cho thuê đất, hợp đồng thuê đất nhưng đang sử dụng vào mục đích thuộc đối tượng phải thuê đất theo quy định của Luật Đất đai thì căn cứ mục đích sử dụng đất để xác định tiền thuê đất hàng năm theo mục đích thực tế đang sử dụng"*. Do vậy bà Y yêu cầu bồi thường chi phí đầu tư vào đất và tài sản trên đất là không có cơ sở.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty X: Có lời khai thống nhất với lời khai của bà Y và có ý kiến: Công ty được bà Y cho sử dụng đất thuê kinh doanh vật liệu xây dựng từ năm 2005, đến năm 2015 thì bà Y lập hợp đồng cho công ty X thuê bến bãi để kinh doanh vật liệu xây dựng. Đến khi có thông báo thu hồi đất vào tháng 01/2021 mọi giấy tờ có liên quan đến việc thu hồi đất của bà Y UBND quận D đều gửi cho Công ty X. Tất cả chi phí đầu tư vào đất và vật kiến trúc trên đất là do bà Chu Thị Kim Y đầu tư, xây dựng là 4.558.600.000 đồng. Công ty không có ý kiến gì về việc yêu cầu UBND phường A và UBND quận D phải bồi thường bất kỳ khoản tiền nào cho Công ty.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND phường A: Nội dung trình bày thống nhất với lời khai của người bị kiện là Ủy ban nhân dân quận D về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất. Ngoài ra, thực hiện công văn số 1043 ngày 22/5/2019 của UBND quận D về việc di chuyển vật liệu tập kết phía ngoài đê hữu Lạch Tray, UBND phường đã đôn đốc hộ bà Chu Thị Kim Y, đến ngày 30/9/2019 đã chuyển được 70% khối lượng vật liệu đang tập kết trên bãi. Từ năm 2015 đến khi bàn giao toàn bộ diện tích trên cho nhà thầu thi công công trình Cầu R, UBND phường A không ký hợp đồng kinh tế nào đối với hộ bà Chu Thị Kim Y và Công ty TNHH X. Tuy nhiên từ khi thanh lý hợp đồng đến năm 2019 bà Y vẫn tiếp tục nộp thuế sử dụng mặt bằng và cho công ty X mượn sử dụng kinh doanh vật liệu xây dựng.

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của UBND thành phố, Thông báo thu hồi đất số 168/TB-UBND ngày 10/12/2020, Thông báo số 16/TB-UBND ngày 20/01/2021 của UBND quận D về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Cầu R, đoạn qua phường A, từ tháng 02/2021 UBND phường phối hợp với các cơ quan chuyên môn của UBND quận triển khai các nhiệm vụ theo kế hoạch, tổ chức tuyên truyền, vận động, kiểm kê, thông báo phương án bồi thường, hỗ trợ nhưng hộ bà Chu Thị Kim Y không nhất trí về phương án hỗ trợ và có đơn gửi đến nhiều cơ quan. Qua các hội nghị giải quyết đơn bà Chu Thị Kim Y và Công ty X đều không nhất trí. Từ ngày 16/6/2021 đến ngày 29/7/2021 UBND phường A đã ban hành 03 thông báo về việc di chuyển tài sản trên đất hợp đồng đã hết thời hạn cho thuê đất, để bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công, tuy nhiên bà Chu Thị Kim Y và Công ty X không thực hiện theo các nội dung thông báo.

Ngày 29/7/2021 UBND quận D ban hành văn bản số 1688/UBND-TTPTQĐ về việc phá dỡ vật kiến trúc, di chuyển vật liệu xây dựng trên đất thu hồi thực hiện dự án đầu tư xây dựng Cầu R. Ngày 16/8/2021 UBND phường có báo cáo số 107/BC-UBND về vướng mắc trong việc triển khai kế hoạch phá dỡ, di dời tài sản của Công ty TNHH X trên khu đất do UBND phường quản lý tại phường A. Ngày 23/8/2021, UBND phường có báo cáo số 113, đề xuất lực lượng triển khai, thực hiện kế hoạch phá dỡ, di dời tài sản trên khu đất do UBND phường quản lý. Ngày 27/8/2021 UBND phường đã tiến hành gửi thông báo số 69/TB-UBND gửi đến báo Hải Phòng và được đăng trên các số 19333, 19334, 19335 vào các ngày 29, 30, 31/8/2021. Tuy nhiên đến hết thời hạn thông báo không có tổ chức, cá nhân liên quan đến nhận và di chuyển tài sản và vật kiến trúc trên đất. Ngày 17/9/2021 UBND phường có báo cáo số 147 về đề xuất tăng cường lực lượng thực hiện phương án tháo dỡ, di dời công trình trên khu đất do UBND phường quản lý và ban hành Quyết định số 255 về việc tháo dỡ, di dời vật kiến trúc, vật liệu xây dựng trên đất công. Ngày 20, 21/9/2021 UBND phường thực hiện việc tháo dỡ, di dời tài sản trên khu đất công do UBND phường quản lý. Tài sản tháo dỡ được di chuyển sang gửi tạm tại bãi vật liệu xây dựng Đ. Trong quá trình thực hiện phương án tháo dỡ, di chuyển tài sản trên có sự chứng kiến của các cơ quan chức năng và sự giám sát của đại diện nhân dân trong khu vực.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 86/2023/HCST, ngày 15/11/2023, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã căn cứ vào: Điều 3; Điều 30, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194, điều 348 Luật Tố tụng hành chính; Điều 65, Điều 92 Luật Đất đai; Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ quy định về thu tiền thuế đất, thuê mặt nước; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị Kim Y về việc yêu cầu UBND quận D, thành phố Hải Phòng bồi thường chi phí đầu tư vào đất và tài sản gắn liền với đất với số tiền là 4.588.600.000 đồng (bốn tỷ năm trăm tám mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/11/2023, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Hà Bình T có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Y.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, thay đổi nội dung kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện có quan điểm: Toà án cấp sơ thẩm không tuyên hành vi hành chính trái pháp luật, chỉ giải quyết yêu cầu bồi thường là không đúng pháp luật; không tiến hành thẩm định, định giá đối với giá trị đầu tư vào đất và tài sản trên đất. Bà Y là người thuê đất, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 76, khoản 2 Điều 80 và Điều 89 Luật Đất đai thuộc trường hợp được bồi thường giá trị đầu tư vào đất và tài sản trên đất. Đề nghị Hội đồng xét xử huỷ Bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo hướng tuyên bố hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân quận D là trái pháp luật, tiến hành thẩm định, định giá về giá trị đầu tư vào đất và giá trị tài sản trên đất làm căn cứ quyết định việc bồi thường.

- Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện không nhất trí với quan điểm của người khởi kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện. Xác định hợp đồng thuê đất giữa bà Y và Ủy ban nhân dân phường A đã chấm dứt từ năm 2014, được thanh lý vào tháng 01/2015 do đó đất thuộc quyền quản lý của Ủy ban phường A, tài sản trên đất đã được kiểm đếm, di dời sau khi nhiều lần thông báo nhưng bà Y không thực hiện. Căn cứ các quyết định của pháp luật bà Y không thuộc trường hợp được bồi thường. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người đại diện của Ủy ban nhân dân phường A có quan điểm: Không có quyết định cưỡng chế, không có việc cưỡng chế. Ủy ban nhân dân phường chỉ thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận về việc di dời các tài sản trên đất một cách dân chủ, công khai, sau khi nhiều lần thông báo nhưng bà Y, ông B không chấp hành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án, quá trình giải quyết vụ án, có quan điểm:

+ Tòa án cấp sơ thẩm quyết định theo quy định tại Điều 30 Luật Tố tụng hành chính về thẩm quyền giải quyết của Toà án đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính. Trong đơn khởi kiện, các đơn khởi kiện bổ sung người khởi kiện không hề có yêu cầu Tòa án xem xét với Quyết định hành chính hay Hành vi hành chính nào.

+ Toà án cấp sơ thẩm khi thụ lý, giải quyết vụ án hành chính chỉ giải quyết yêu cầu bồi thường là không đúng quy định của Luật Tố tụng Hành chính.

+ Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật Tố tụng Hành chính: Đề nghị Hội đồng xét xử huỷ Bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã thu thập và được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở ý kiến của các đương sự, của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bà Chu Thị Kim Y phù hợp với phạm vi ủy quyền, có nội dung và hình thức phù hợp, trong thời hạn, theo quy định tại các Điều 205, 206 Luật Tố tụng hành chính, thuộc đối tượng được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại đơn khởi kiện và các đơn khởi kiện bổ sung, bà Chu Thị Kim Y yêu cầu Toà án: Buộc UBND quận D, thành phố Hải Phòng phải bồi thường chi phí đầu tư vào đất và tài sản trên đất cho bà với tổng số tiền là 4.558.600.000 đồng.

[3] Tại các bản tự khai, biên bản về việc tiếp cận và công khai chứng cứ và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Y và người đại diện theo ủy quyền của bà Y vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện đều xác định căn cứ để yêu cầu bồi thường là theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 76, khoản 2 Điều 80 và Điều 89 Luật Đất đai.

[4] Như vậy, căn cứ để người khởi kiện yêu cầu bồi thường không xuất phát từ quyết định hành chính hoặc hành vi hành chính; người khởi kiện không có yêu cầu khởi kiện đề nghị Toà án huỷ quyết định hành chính cụ thể hoặc xác định hành vi hành chính nào của cơ quan hành chính nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước thực hiện hoặc không thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật gây thiệt hại cho người khởi kiện làm căn cứ cho việc khởi kiện yêu cầu bồi thường. Vì vậy không thuộc đối tượng, thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định của Luật Tố tụng Hành chính.

[5] Bản án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: "Khiếu kiện yêu cầu bồi thường chi phí đầu tư vào đất và tài sản trên đất" là đúng yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị Kim Y. Nội dung khởi kiện của bà Y là "Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân theo quy định tại khoản 6 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính để thụ lý và giải quyết vụ án nhưng bản án sơ thẩm không đánh giá, phân tích về quyết định hành chính hay hành vi hành chính nào là đối tượng khởi kiện và là căn cứ để yêu cầu bồi thường thiệt hại mà chỉ giải quyết yêu cầu của bà Y về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân quận D bồi thường chi phí đầu tư vào đất và tài sản trên đất cho bà với tổng số tiền là 4.558.600.000 đồng. Trong vụ án này cần căn cứ

vào thỏa thuận giữa các bên tranh chấp, quy định của Bộ luật Dân sự và trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

[6] Điều 30 Luật Tố tụng hành chính quy định Tòa án có thẩm quyền giải quyết các khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính (trừ một số trường hợp cụ thể quy định tại điểm a, b, c khoản 1 điều này). Theo quy định tại Điều 7 Luật Tố tụng Hành chính thì Toà án có thể đồng thời giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại trong vụ án hành chính nếu có căn cứ. Như vậy, việc giải quyết yêu cầu bồi thường (chấp nhận hoặc không chấp nhận) phải dựa trên yêu cầu khởi kiện của đương sự đối với quyết định hành chính hoặc hành vi hành chính cụ thể, có mối quan hệ nhân quả đối với thiệt hại mà đương sự yêu cầu bồi thường, không có quy định nào của Luật Tố tụng Hành chính về việc Tòa án khi giải quyết vụ án hành chính chỉ giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại khi đương sự không có yêu cầu khởi kiện đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính.

[7] Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, hủy bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng để giải quyết lại vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

[8] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên bà Chu Thị Kim Y không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật Tố tụng Hành chính:

1. Huỷ Bản án hành chính sơ thẩm số 86/2023/HC-ST ngày 15/11/2023 của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng. Giao hồ sơ vụ án về Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng để giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Án phí: Bà Chu Thị Kim Y không phải chịu án phí phúc thẩm. Án phí sơ thẩm sẽ được Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng quyết định khi giải quyết lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND thành phố Hải Phòng;*
- *VKSND thành phố Hải Phòng;*
- *VKSND CC tại Hà Nội;*
- *Cục THADS thành phố Hải Phòng;*
- *UBND thành phố Hải Phòng;*
- *Lưu HSVA, VT, HCTP.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Hải Thanh